TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v. Tranh chấp về
Hôn nhân và Gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông **Bùi Văn Cương**

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Văn Thiệu;**

2. Ông: **Bùi Văn Ơn**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà bà: **Hoàng Thị Khánh Linh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà ông **Lê Xuân Trường** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 24/01/2018 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Doãn Thị D , sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm Anh 2, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1987. Địa chỉ: xóm Anh 2, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị T , sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn Hoa Nam, xã An Bình, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt theo đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt ngày 05/02/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Doãn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã Thượng Cốc trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sống với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ . Thời gian đầu

chung sống, vợ chồng yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Nhưng từ năm 2017 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ngoại tình, thường xuyên đánh đập chị. Mặc dù đã được họ hàng hai bên động viên nhưng anh Đ không hề thay đổi, khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn xin ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Chị D và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến L , sinh ngày 10/10/2011. Vợ chồng ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến L và chưa yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Công nợ chung: Đầu năm 2017, anh Đ có vay của bà Lê Thị T , là mẹ đẻ của chị tổng số tiền là 35.000.000đ. Đến nay tính cả tiền lãi là 38.500.000đ. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị anh Đ hoàn trả số tiền nêu trên cho bà Lê Thị T .

Ngoài ra chị D không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về thời điểm kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị D trình bày là đúng. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D có hành vi ngoại tình. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D đề nghị ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Đ và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến L , sinh ngày 10/10/2011. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lợi và chưa yêu cầu cô Dung cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ chung: Đầu năm 2017 anh có vay của mẹ đẻ cô Dung là bà Lê Thị T số tiền là 35.000.000đ thời hạn trả nợ đến tháng 12/2018. Đến nay, tính cả lãi hai bên chốt là 38.500.000đ. Vợ chồng ly hôn anh sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 38.500.000đ và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 12%/năm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Doãn Thị D . Đầu năm 2017, bà có cho anh Nguyễn Văn Đ là con rể vay tổng số tiền là 35.000.000đ, tính tổng cả lãi đến nay do hai bên tạm tính là 38.500.000. Vợ chồng con gái ly hôn, bà đề nghị anh Nguyễn Văn Đ hoàn trả cho bà số tiền 38.500.000đ nêu trên và khoản lãi phát sinh là 12%/năm. Thời hạn trả chậm nhất là hết tháng 12/2018. Trong quá trình hoà giải, anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện nhận hoàn trả số tiền nêu trên và khoản lãi phát sinh hàng tháng nên bà đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận này.

Riêng đối với vấn đề chỗ ở của chị Doãn Thị D sau khi ly hôn. Vợ chồng bà đã thống nhất cho cháu Dung mượn 01 ngôi nhà tại thôn Hoa Nam, xã An Bình, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để chị D sử dụng làm nhà ở. Vì vậy, bà đề nghị Toà án xem xét vấn đề này khi quyết định giao cháu Nguyễn Tiến L cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, Nếu chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến L thì vợ chồng bà sẽ cùng hỗ trợ chị D chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lợi.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Nguyễn Văn Đ và chị Doãn Thị D có nội dung:***

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Doãn Thị D kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Cốc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chuyển về sống chung với bố mẹ anh Đ tại xóm Anh 2, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không còn tin tưởng nhau, anh Nguyễn Văn Đ thường xuyên đánh đập chị D . Mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, vợ chồng anh Đ , chị D đã ly thân, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: anh Đ và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến L sinh ngày 10/10/2011, hiện cháu đang ở với anh Đ và bà nội. Xét về điều kiện nuôi con của anh Đ và chị D thì cả hai anh chị đều có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra cả hai người đều đi làm thuê kiếm thêm thu nhập (chị D đi làm nghề cắt tóc, gội đầu; anh Đ đi làm công nhân). Tuy nhiên thời gian gần đây anh Đ bị đau lưng nên không thường xuyên đi làm.

Về chỗ ở sau khi ly hôn: Anh Đ đang ở với mẹ đẻ tại xóm Anh 2, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình nên có chỗ ở ổn định để nuôi con. Chị D sau khi ly hôn thì chính quyền địa phương không biết chị D sẽ ở đâu vì tại địa phương chị không có nhà riêng, bản thân chị D là người Yên Bái trước khi kết hôn với anh Đ .

Đề nghị Toà án xem xét giao cháu Nguyễn Tiến L cho người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trên cơ sở đánh giá tổng thể các yếu tố: Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em; điều kiện kinh tế, chỗ ở, đạo đức của người trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân**:** xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ và chị D đã thuận tình ly hôn. Như vậy,

việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Tiến L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D chưa yêu cầu anh Đ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung: anh Đ , chị D tự thoả thuận, không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

- Về công nợ: Công nhận sự thoả thuận của các bên đương sự.

- Về án phí: chị D , anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình "Ly hôn,tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xóm Nại, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy,Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để các bên đuơng sự bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

2 Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D và anh Đ và không có hạnh phúc; do hai bên không còn tin tưởng nhau, anh Đ thường xuyên đánh đập chị D . Vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa.

Từ những nhận định trên mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Tại các buổi hoà giải và tại phiên toà ngày hôm nay, chị D và anh Đ đã tự nguyện ly hôn nên HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về con chung và cấp dưỡng:

Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Tiến L , sinh ngày 10/10/2014. Nguyện vọng của chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị D chưa yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh Đ cũng có nguyện

vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Việc mong muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Xét thấy, chị D và anh Đ đều có công việc và thu nhập, chỗ ở ổn định và đều được sự giúp đỡ của hai bên gia đình nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, xét điều kiện hiện nay cháu Lợi đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, theo chị D trình bày và theo kết quả xác minh tại địa phương, anh Đ thường xuyên, đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị D , điều đó sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc hình thành nhân cách, hành vi ứng xử cũng như tương lai của con nếu anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Lợi cần chấp nhận yêu cầu của chị D . Giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, do chị D chưa yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn Nhân và Gia đình.

4. Về tài sản chung: Chị D và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về công nợ chung:

5. Về án phí: chị D , anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Chị Doãn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ .

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Minh Nghĩa, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2014 cho chị Doãn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành kể từ tháng 02 năm 2018. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D , anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Công nợ chung:

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 481.250 đồng tiền án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba. Chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004290 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị D còn phải nộp 481.250 đồng tiền án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 481.250 đồng tiền án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ đối với bên thứ ba.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Cương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Thượng Cốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.